

Bản án số: 356/2017/HN-ST

Ngày: 15-12-2017

V/v “*Yêu cầu không công nhận là vợ chồng*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Thúy Bắc - Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Chợ Lách;

Bà Ngô Thị Thuởng - Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Chợ Lách.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Ngày 15 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 332/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017, về việc: “*Yêu cầu không công nhận là vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 11 năm 2017, giữa:

1. Nguyên đơn:

Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1969;

Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1968;

Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Ông L, bà H vắng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 28/11/2017 nguyên đơn bà Lê Thị Thu H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn L tìm hiểu rồi tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, cuộc sống hạnh phúc được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bà và ông L thường xuyên cãi nhau; từ đó bà và ông L đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm và không muốn sống chung với ông L nên yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông L là vợ chồng.

Quá trình chung sống, bà và ông L có 01 con chung tên Nguyễn Lam L, sinh ngày 03/02/1998 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai ngày 28/11/2017, biên bản hòa giải ngày 28/11/2017 bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ông và bà Lê Thị Thu H tìm hiểu rồi tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, cuộc sống hạnh phúc được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông và bà H thường xuyên cãi nhau; từ đó ông và bà H không quan tâm đến cuộc sống của nhau, sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

Quá trình chung sống, ông và bà H có 01 con chung tên Nguyễn Lam L, sinh ngày 03/02/1998 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Nguyên đơn bà Lê Thị Thu H, bị đơn ông Nguyễn Văn L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà H và ông L.

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Mặc dù từ năm 1998 đến nay ông bà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng đến nay ông bà vẫn không đăng ký kết hôn nên căn cứ theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì bà H và ông L không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Theo bà H và ông L, quá trình chung sống hạnh phúc được khoảng 08 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Bà H và ông L đã không quan tâm đến cuộc sống của nhau và đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay bà H xác định tình cảm không còn nên yêu cầu không công nhận bà với ông L là vợ chồng.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông L thực tế là có xảy ra và giữa hai người có thời gian sống ly thân từ năm 2016 đến nay, với khoảng thời gian trên cũng đủ cho ông, bà suy nghĩ lại tình cảm thế nhưng cả hai cũng không tìm cho

mình một biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn giữa bà H và ông L là đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Quá trình giải quyết Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải, hàn gắn lại tình cảm giữa hai người nhưng bà H vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông L là vợ chồng và ông L cũng đồng ý không công nhận ông và bà H là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu không công nhận bà H với ông L là vợ chồng là phù hợp theo quy định tại điểm c mục 3 Nghị quyết 35/2010/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Lam L, sinh ngày 03/02/1998 đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông L khai không có nên không xét đến.

Về án phí: Bà Lê Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của bà Lê Thị Thu H đối với ông Nguyễn Văn L. Cụ thể tuyên:

Không công nhận bà Lê Thị Thu H với ông Nguyễn Văn L là vợ chồng.

- Về con chung: Bà Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L có 01 con chung tên Nguyễn Lam L, sinh ngày 03/02/1998 đã trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

2/ Về án phí: Bà Lê Thị Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0023891 ngày 09/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Bà H đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HSVA+VP.

ĐÃ KÝ

Lê Chí Hậu